语法 - Unit 03 Set 2

汉语拼音

选出正确的答案。（系统自动批改）

选出与图片相关的汉语拼音。

1.

- A. gēng tián
- B. dà shù
- C. c ā o méi
- D. qì chē

2.

- A. huā yuán
- B. píng gu ǒ
- C. lóu tī
- D. l ǎ o h ǔ

3.

- A. gēng tián
- B. dà shù
- C. c ā o méi
- D. qì chē

4.

- A. gēng tián
- B. dà shù
- C. c ā o méi
- D. qì chē

5.

- A. huā yuán
- B. píng gu ǒ
- C. lóu tī
- D. l ǎ o h ǔ

6.

- A. huā yuán
- B. píng gu ǒ
- C. lóu tī
- D. l ǎ o h ǔ

7.

- A. yuè liàng
- B. bēi z ī
- C. h ǎ i biān
- D. xué xiào

8.

- A. yuè liàng
- B. bēi z ī
- C. h ǎ i biān
- D. xué xiào

9.

- A. yuè liàng
- B. bēi z ī
- C. h ǎ i biān
- D. xué xiào

> Exercises

10.

- A. y ā n jīng
- B. diàn n ǎ o
- C. kè fáng
- D. m ǎ lù

LIVEWORKSHEETS